

**BIỂU MẪU CÔNG KHAI**

(Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)

**Biểu mẫu 13****Đơn vị: MÀM NON 25B****Chương: 622****DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 48 /QĐ- MN 25B ngày 31/12/2020 của trường MN 25B)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

| Số TT     | Nội dung                                           | Dự toán được giao |
|-----------|----------------------------------------------------|-------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                   |
| <b>1</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          | <b>445,5</b>      |
| 1.1       | Lệ phí                                             |                   |
| 1.2       | Học phí                                            | 445,5             |
| <b>2</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            | <b>445,5</b>      |
| 2.1       | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề          | 445,5             |
| a         | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (60% số thu)        | 267,3             |
| b         | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | 178,2             |
| 2.2       | Chi quản lý hành chính                             |                   |
| a         | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                   |
| b         | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |
| <b>3</b>  | <b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>                     |                   |
| 3.1       | Lệ phí                                             |                   |
| 3.2       | Phí                                                |                   |
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              |                   |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                   |
| <b>2</b>  | <b>Nghiên cứu khoa học</b>                         |                   |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>   | <b>5.909</b>      |
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 3.240,5           |

|     |                                      |         |
|-----|--------------------------------------|---------|
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 1.050,5 |
| 3.3 | Kinh phí cải cách tiền lương         | 1.618,4 |

Bình Thạnh, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Hiệu trưởng



Kiều Thị Mai Trang